

TÁC ĐỘNG CỦA GIẢM GIÁ DẦU THÔ ĐẾN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC - TIẾP CẬN TỪ MÔ HÌNH CÂN BẰNG TỔNG THỂ

THE IMPACT OF LOWER CRUDE OIL PRICES ON THE STATE BUDGET - A CGE APPROACH

Nguyễn Mạnh Toàn, Nguyễn Thị Hương

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng; nm_toan@due.edu.vn, huongnguyen@due.edu.vn

Tóm tắt - Là một nền kinh tế mở, quy mô nhỏ, nền kinh tế Việt Nam phụ thuộc vào cả dầu thô và các sản phẩm xăng dầu nhập khẩu. Việt Nam cũng là nước khai thác, xuất khẩu dầu thô, và sản xuất xăng dầu. Bài viết này, phân tích tác động của giảm giá dầu thô trên thị trường thế giới đến thu ngân sách nhà nước bằng mô hình cân bằng tổng thể với dữ liệu Ma trận hạch toán xã hội Việt Nam năm 2012 theo ba kịch bản riêng biệt. Kết quả mô phỏng cho thấy, giá dầu giảm làm giảm thu ngân sách do số giảm thu từ ngành dầu thô và xăng dầu nhiều hơn số tăng thu được từ các ngành khác. Số tăng thu từ thuế thu nhập cá nhân và thuế giá trị gia tăng không đáng kể so với số giảm thu từ thuế thu nhập doanh nghiệp.

Từ khóa - ngân sách nhà nước; thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân; thuế nhập khẩu; thuế giá trị gia tăng.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, giá dầu thô trên thị trường thế giới giảm mạnh và hiện nay vẫn ở mức thấp, đã tác động đa chiều đến các chủ thể trong nền kinh tế Việt Nam. Về phía cung, các ngành liên quan đến khai thác dầu thô đã phải đối mặt với tình trạng giảm sản lượng và doanh thu từ dầu thô, từ đó dẫn đến giảm nguồn thu ngân sách nhà nước (NSNN). Về phía cầu, giá xăng dầu giảm làm giảm chi phí đầu vào, nhất là các ngành sử dụng nhiều xăng dầu, từ đó tăng lợi nhuận, và vì vậy làm tăng thu ngân sách từ thuế thu nhập doanh nghiệp. Bên cạnh đó, chi tiêu cho việc đi lại trong giỏ hàng hóa của hộ gia đình giảm làm tăng tiêu dùng nhờ khoản tiền tiết kiệm được, chi phí vận tải giảm dẫn đến giá hàng hóa tiêu dùng giảm sẽ kích thích tiêu dùng và từ đó kích thích sản xuất kinh doanh, nhờ vậy góp phần tăng thu NSNN.

Trong thời gian qua, có nhiều nghiên cứu về tác động của các cú sốc giá dầu thô đến tăng trưởng kinh tế, điển hình là các nghiên cứu của Dybczak và cộng sự (CS) (2008), Gisser và Goodwin (1986), Blanchard và Gali (2007). Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra mối quan hệ giữa giá dầu và GDP, từ đó đã định hướng cho các nhà nghiên cứu sau này trong việc xem xét đặc điểm về sự tác động của cú sốc giá dầu đến các biến số vĩ mô của nền kinh tế, trong đó có thu NSNN [1], [2], [3].

Những năm gần đây, có nhiều nghiên cứu đa dạng và chuyên sâu hơn về chủ đề này, nổi bật là các nghiên cứu của IEA (2006), Kilian và CS (2007), VEPR (2016), Aydın và Acar (2011). Về phương diện lý thuyết, có một sự đồng thuận giữa các nghiên cứu là giá dầu giảm tác động mạnh đến các hoạt động kinh tế, tình hình lạm phát, thu ngân sách và sự tác động này thông qua ba kênh truyền dẫn chính là: chi phí đầu vào, chuyển dịch thu nhập, chính sách tiền tệ và tài khóa [4], [5], [6], [7]. Các nghiên cứu thực nghiệm thường sử dụng hai kỹ thuật phân tích khác nhau là: mô

Abstract - Having a small open economy, Vietnam depends on both imported crude oil and imported petroleum products. Vietnam is also a country that exploits as well as exports crude oil, and produces petroleum. This paper analyzes the impact of international lower crude oil prices on the state budget by using the general equilibrium model with the 2012 Vietnam Social Accounting Matrix under three distinct scenarios. Simulation results show that a decrease in oil prices has reduced revenues. This is because the reduction in the crude oil and petroleum products is greater than the increase from other industries. The increase of personal income tax, value added tax is negligible compared to the reduction in income from corporate income tax.

Key words - state budget; corporate income tax; personal income tax; import tax; value added tax.

hình kinh tế lượng vĩ mô và mô hình cân bằng tổng thể khả tính (CGE). Ưu thế của mô hình kinh tế lượng vĩ mô là có thể xem xét các quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô. Trong khi đó, ưu thế của mô hình CGE là có thể xem xét các tác động theo ngành và liên kết giữa các ngành, từ đó tác động đến sản xuất, tiêu dùng và NSNN.

Việt Nam vừa là nước khai thác, xuất khẩu dầu thô, và sản xuất xăng dầu lại vừa là nước nhập khẩu dầu thô và xăng dầu. Hiện nay và trong nhiều năm tới Việt Nam vẫn là quốc gia nhập khẩu xăng dầu [8]. Trong bối cảnh hiện nay của Việt Nam, khi giá dầu thô trên thị trường thế giới giảm, kéo theo giá xăng dầu giảm thì sẽ tác động đến tình hình sản xuất của các ngành, đến thu nhập của các chủ thể khác nhau trong nền kinh tế, trong đó có thu ngân sách nhà nước.

Nghiên cứu này sử dụng mô hình CGE tĩnh nhằm lượng hóa các tác động của việc thay đổi giá dầu đến 25 ngành. Từ đó xác định các tác động trực tiếp của việc thay đổi giá dầu đến thu ngân sách qua ba kênh chính: (1) thu từ xuất khẩu dầu thô bao gồm: thuế tài nguyên và thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) của doanh nghiệp khai thác dầu thô; (2) thu từ nhập khẩu xăng dầu: thu từ thuế nhập khẩu (NK), thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) và thuế bảo vệ môi trường (BVMT) của các đơn vị kinh doanh xăng dầu; (3) thu từ thuế giá trị gia tăng (GTGT) do giá dầu giảm tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, từ đó làm tăng thu ngân sách. Ngoài ra, các khoản thu khác từ nội địa như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân cũng sẽ chịu tác động gián tiếp bởi việc thay đổi giá dầu cũng được đo lường trong nghiên cứu này.

2. Mô hình, dữ liệu và các kịch bản nghiên cứu

2.1. Mô hình nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng mô hình CGE dạng tĩnh để thiết lập các mối quan hệ cơ bản giữa các chủ thể, các ngành,

các thị trường trong nền kinh tế Việt Nam bằng các công cụ toán và máy tính nhằm mô phỏng tác động của các cú sốc giá dầu đến các ngành và đến thu nhập của các chủ thể khác nhau trong nền kinh tế. Đây là mô hình chuẩn cho nền kinh tế mở, quy mô nhỏ, chấp nhận giá và cạnh tranh theo định hướng thị trường. Cấu trúc lý thuyết của mô hình được xây dựng trên cơ sở các nghiên cứu của Hosoe (2001), Chen (2004) và Toàn (2005) [9], [10], [11].

2.2. Dữ liệu

Dữ liệu cho mô hình CGE trong nghiên cứu này là ma trận hạch toán xã hội Việt Nam năm 2012 (VSAM2012) do Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương và Viện Nghiên cứu Kinh tế Phát triển Thế giới thuộc Đại học Liên Hiệp Quốc công bố [12]. VSAM2012 là ma trận có kích thước 344 x 344. Trong đó, ngành kinh tế/ngành sản phẩm được chi tiết thành 164 ngành, 11 nhân tố sản xuất (6 nhân tố lao động, 5 nhân tố vốn), 20 loại hộ gia đình phân theo khu vực (thành thị/nông thôn), lĩnh vực (nông nghiệp/phi nông nghiệp), ngũ vị phân về thu nhập (nhóm 1 đến nhóm 5) và 5 loại thuế.

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu cũng như thuận lợi cho việc trình bày, sau khi chạy mô hình mô phỏng 164 ngành, kết quả trình bày trong nghiên cứu được gộp thành 25 ngành theo chức năng, đặc điểm và mối quan tâm về các ngành chính trong nền kinh tế. Tên và mã ngành của 25 ngành: trồng trọt (C1), chăn nuôi (C2), lâm nghiệp (C3), thủy sản (C4), khai thác than (C5), khai thác dầu thô (C6), khí tự nhiên (C7), khai khoáng khác (C8), công nghiệp chế biến thực phẩm (C9), dệt may (C10), giày da (C11), gỗ và sản phẩm từ gỗ (C12), sản xuất xăng dầu (C13), sản xuất sản phẩm hóa chất khác (C14), luyện kim (C15), máy móc thiết bị (C16), phương tiện vận tải (C17), sản xuất khác (C18), xây dựng (C19), thương mại (C20), khách sạn, nhà hàng (C21), vận tải (C22), bưu chính viễn thông (C23), tài chính ngân hàng (C24), dịch vụ công (C25).

Bảng 1. Tình hình sản xuất, tiêu dùng dầu thô và xăng dầu tại Việt Nam năm 2012

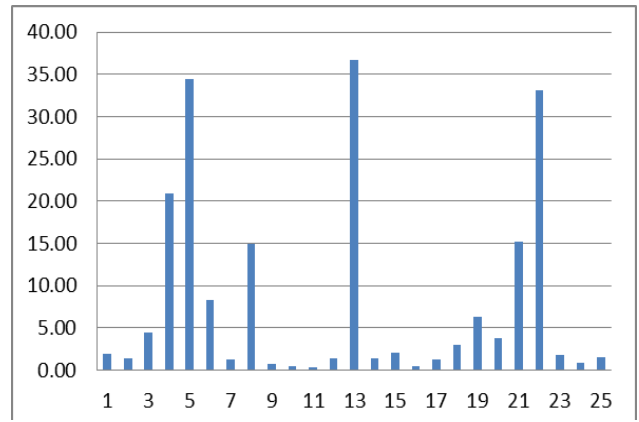
	Giá trị (tỷ đồng)		Cơ cấu (%)	
	Dầu thô	Xăng dầu	Dầu thô	Xăng dầu
SX trong nước	289.478	242.139	89,9	47,8
Nhập khẩu	32.471	263.933	10,1	52,2
Tổng	321.949	506.072	100	100
TDTG	119.925	478.336	37,2	94,5
TDCC, tích lũy	13.885	26.708	4,3	5,3
Xuất khẩu	188.139	1.028	58,4	0,2
Tổng	321.949	506.072	100	100

Nguồn: Tổng hợp từ VSAM 2012

Trong tiêu dùng, giá trị sản phẩm xăng dầu chủ yếu dùng trong quá trình sản xuất các ngành (TDTG) chiếm 94,5%, trong khi dầu thô phần lớn dùng để xuất khẩu chiếm 58,4%. Do đó, giá xăng dầu giảm sẽ tác động trực tiếp đến các ngành kinh tế, đặc biệt là các ngành sử dụng nhiều xăng dầu làm đầu vào trong quá trình sản xuất.

Những ngành có chi phí xăng dầu trong giá trị sản xuất (GO) cao (Hình 1): Sản xuất sản phẩm từ dầu mỏ (C13), Khai thác than (C5), Vận tải (C22), Thủy sản (C4), Khách

sạn, nhà hàng (C21), Khai khoáng khác (C8).



Hình 1. Chi phí xăng dầu trên 100 đồng giá trị sản xuất

Nguồn: Tổng hợp từ VSAM 2012

Trong VSAM2012, phân loại thuế được tổng hợp tương ứng với các khoản thu ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính như sau: (1) thuế NK, bao gồm: thuế NK, thuế TTĐB hàng NK; (2) thuế GTGT, bao gồm: thuế GTGT, thuế TTĐB hàng sản xuất trong nước; (3) thuế TNDN; (4) thuế TNCN, bao gồm: thuế TNCN, thuế chuyển quyền sử dụng đất, thuế sử dụng đất nông nghiệp, lệ phí trước bạ, thu khác.

Bảng 2. Cơ cấu thu NSNN từ thuế năm 2012

	Cơ cấu (%)
Thuế NK	11
Thuế GTGT	48
Thuế TNDN	34
Thuế TNCN	7

Nguồn: Nhóm tác giả tính toán từ VSAM2012

Thuế GTGT, thuế TNDN là các sắc thuế quan trọng trong tổng thu NSNN từ thuế (chiếm trên 80%).

2.3. Các kịch bản nghiên cứu

Việt Nam vừa xuất khẩu dầu thô vừa nhập khẩu các sản phẩm xăng dầu và phụ thuộc khá nhiều vào giá dầu thô trên thế giới. Tuy là giá xăng dầu tại Việt Nam biến động cùng nhịp điệu với sự biến động của giá dầu thô thế giới nhưng mức tăng hoặc giảm vẫn thấp hơn. Đó là do tác động của thuế phí, quỹ bình ổn giá xăng dầu, cùng với chu kỳ điều chỉnh giá 15 ngày theo nghị định số 83/2014/NĐ-CP. Vì vậy, thực tế cho thấy, vào thời điểm giá dầu thô chạm đáy vào tháng 2/2016 giảm đến 50% so với thời điểm giá dầu thô đạt mức cao nhất vào tháng 7/2014 thì giá xăng dầu chỉ giảm khoảng 35%. Dựa trên những biến động thực tế của giá dầu đã diễn ra trên thế giới cùng với sự biến động giá dầu của Việt Nam thời gian qua, nhóm tác giả xây dựng các kịch bản nhằm tính toán các ảnh hưởng khác nhau của các “cú sốc giá dầu” đến thu NSNN như sau:

Kịch bản 1: Giá dầu thô trên thị trường thế giới giảm 50%, khi đó giá xuất khẩu và nhập khẩu dầu thô giảm 50%. Các yếu tố khác trong nền kinh tế không thay đổi.

Kịch bản 2: Giá xăng dầu trên thị trường thế giới giảm 35%, khi đó giá nhập khẩu và xuất khẩu xăng dầu sẽ giảm 35%. Các yếu tố khác trong nền kinh tế không thay đổi.

Kịch bản 3: Kết hợp hai kịch bản 1 và 2, khi đó giá xuất

khẩu dầu thô và nhập khẩu dầu thô giảm 50%, đồng thời giá nhập khẩu và xuất khẩu xăng dầu sẽ giảm 35%. Các yếu tố khác trong nền kinh tế không thay đổi.

3. Kết quả nghiên cứu và bình luận

3.1. Đặc điểm thu ngân sách từ dầu thô của Việt Nam

Tại Việt Nam, quy mô thu NSNN tăng đáng kể trong những năm qua và cơ cấu thu đã có chuyển biến theo chiều hướng tích cực, thu nội địa chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng thu NSNN, thu từ dầu thô giảm từ 25,2% giai đoạn 2001-2005, xuống 20% giai đoạn 2006-2010, 13,4% giai đoạn 2011-2015 và theo dự toán năm 2017 chỉ còn 3,2% [13], [14]. Tuy thu NSNN từ dầu thô có xu hướng thu hẹp trong cơ cấu thu ngân sách của Việt Nam nhưng vẫn đóng vai trò quan trọng trong thu NSNN. Cơ cấu thu NSNN theo sắc thuế có sự chuyển dịch, các khoản thuế gián thu có xu hướng dần chiếm tỷ trọng lớn hơn trong tổng thu thuế, phí (giai đoạn 2001-2005 khoảng 46%, giai đoạn 2006-2010 khoảng 50%, giai đoạn 2011-2015 khoảng 54%) [13].

3.2. Kết quả nghiên cứu theo Kịch bản 1

Giá dầu thô giảm thì Chính phủ và các doanh nghiệp ngành khai thác dầu bị thiệt hại, nhưng đối với hầu hết các ngành kinh tế và người dân được hưởng lợi.

Bảng 3. Thay đổi nguồn thu thuế theo Kịch bản 1

Mã	Thay đổi (tỷ đồng)		
	Thuế NK	Thuế GTGT	Thuế TNDN
C1	59,03	-26,52	-159,53
C2	3,62	-76,51	-135,59
C3	74,49	3,61	55,75
C4	0,37	18,23	122,40
C5	-1,02	446,59	332,40
C6	-434,43	-380,07	-28.347,78
C7	0,00	-3,62	-191,51
C8	8,01	76,20	173,94
C9	106,35	29,72	702,01
C10	532,77	330,22	1.928,09
C11	24,57	252,98	1.275,34
C12	45,88	1,55	85,09
C13	-122,08	429,63	5.491,68
C14	212,45	17,89	297,91
C15	54,38	3,04	159,33
C16	348,61	297,01	1.027,88
C17	-0,76	-355,03	-369,34
C18	103,53	-7,61	457,73
C19	0,00	-98,01	-794,49
C20	0,00	2,07	507,06
C21	0,00	24,88	524,79
C22	0,00	58,81	905,22
C23	0,00	-297,86	-268,96
C24	0,00	-736,94	-748,19
C25	0,00	-466,44	-1.899,92
Tổng	1.015,77	-456,20	-18.868,72

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả mô phỏng theo Kịch bản 1

Do ngành dầu thô trong nước giảm sâu về lợi nhuận làm thuế TNDN từ ngành này giảm mạnh, trong khi đó, các

ngành khác hưởng lợi và tăng lợi nhuận nhưng phần thuế TNDN từ các ngành khác vẫn không thể bù đắp khoản thuế sụt giảm từ ngành dầu thô (Bảng 3).

Xét về tổng thể giá dầu thô giảm làm cho NSNN giảm 2,49%, trong đó chủ yếu do thay đổi thuế TNDN (Bảng 4). Do thuế NK chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng thu NSNN từ thuế (Bảng 2) nên sự tăng thu NSNN từ thuế NK không đáng kể so với phần giảm thuế TNDN làm cho tổng thu NSNN giảm mạnh.

Bảng 4. Thay đổi thu ngân sách từ thuế theo Kịch bản 1

Loại thuế	Thay đổi (tỷ đồng)	% thay đổi
Thuế NK	1.015,77	1,30
Thuế GTGT	-456,20	-0,15
Thuế TNDN	-18.868,72	-6,33
Thuế TNCN	494,31	1,51
Tổng	-17.814,84	-2,49

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả mô phỏng theo Kịch bản 1

3.3. Kết quả nghiên cứu theo Kịch bản 2

Bảng 5. Thay đổi nguồn thu thuế theo Kịch bản 2

Mã	Thay đổi (tỷ đồng)		
	Thuế NK	Thuế GTGT	Thuế TNDN
C1	66,23	90,29	1.328,95
C2	13,07	111,74	453,78
C3	0,87	-7,59	-93,75
C4	0,70	244,36	1.136,29
C5	-6,01	1.176,82	932,97
C6	-143,81	-14,47	-906,52
C7	0,00	1,04	726,07
C8	6,42	136,47	378,35
C9	361,61	35,38	1.797,93
C10	-667,74	-841,23	-3.826,36
C11	-28,56	-704,49	-2.673,43
C12	3,71	-6,53	189,30
C13	-1.833,93	-309,04	-2.163,64
C14	-59,39	-38,06	10,72
C15	-21,73	-13,88	61,89
C16	26,95	-753,56	-794,36
C17	56,77	398,01	869,55
C18	151,91	150,59	2.524,13
C19	0,00	99,97	1.604,55
C20	0,00	-11,96	1.075,74
C21	0,00	103,18	2.161,09
C22	0,00	328,41	4.864,99
C23	0,00	231,88	502,82
C24	0,00	341,72	2.595,20
C25	0,00	76,54	1.465,68
Tổng	-2.072,94	825,61	14.221,92

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả mô phỏng theo Kịch bản 2

Có thể thấy rằng, giá xăng dầu giảm đã có tác động tích cực đến các ngành sản xuất, đặc biệt là các ngành sử dụng nhiều xăng dầu làm đầu vào trong quá trình sản xuất như: ngành Vận tải (C22) và ngành Thủy sản (C4). Khi giá xăng dầu giảm, các doanh nghiệp có điều kiện giảm chi phí đầu

vào, giảm giá thành sản xuất, tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và thu nhập của người lao động. Đây cũng là cơ hội để phát triển sản xuất, mở rộng quy mô đầu tư, tăng năng lực cạnh tranh trong nước và hội nhập quốc tế, tăng khả năng xuất khẩu. Sự phát triển của các doanh nghiệp sản xuất trong nước sẽ kéo theo tăng mức đóng góp vào thu NSNN từ thuế TNDN (Bảng 5).

Giá xăng dầu giảm tác động tích cực đến tiêu dùng của hộ gia đình. Hộ gia đình tiết kiệm được chi phí cho giao thông, từ đó tăng tiêu dùng cho nền kinh tế. Chi tiêu dùng trong nền kinh tế được cải thiện, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng, nhờ đó, thuế GTGT tăng nên làm tăng thu NSNN. Dưới tác động của việc giảm giá xăng dầu theo Kịch bản 2, tổng thu NSNN tăng 14.916,89 tỷ đồng (2,09%).

Bảng 6. Thay đổi thu ngân sách từ thuế theo Kịch bản 2

Loại thuế	Thay đổi (tỷ đồng)	% thay đổi
Thuế NK	-2.072,94	-2,66
Thuế GTGT	825,61	0,27
Thuế TNDN	14.221,92	4,77
Thuế TNCN	1.942,31	5,92
Tổng	14.916,89	2,09

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả mô phỏng theo Kịch bản 2

Theo kết quả mô phỏng, thuế thu nhập cá nhân có phần trăm tăng lớn nhất (5,92%). Có thể nói, bản thân sắc thuế này nhận được nhiều tác động tích cực từ giảm giá xăng dầu. Tuy nhiên, trong cơ cấu thu NSNN, loại thuế này chiếm tỷ trọng không lớn, do đó, trong 14.916,89 tỷ đồng tăng thêm của NSNN, thuế thu nhập cá nhân chỉ đóng góp vào 1.942,31 tỷ đồng. Trái lại, thuế GTGT do có tỷ trọng lớn trong cơ cấu NSNN, cho nên, mặc dù tăng không đáng kể (0,27%), nhưng quy mô đóng góp vào thu ngân sách khá lớn (825,61 tỷ đồng).

3.4. Kết quả nghiên cứu theo Kịch bản 3

Khi giá dầu thô và giá xăng dầu đồng thời giảm theo Kịch bản 3 – là kịch bản mô phỏng đầy đủ các biến động về giảm giá dầu thô kéo theo việc giảm giá xăng dầu - thu NSNN giảm 0,41%, trong đó, chủ yếu do thay đổi của thuế TNDN và thuế TNCN (Bảng 7).

Bảng 7. Thay đổi thu ngân sách từ thuế theo Kịch bản 3

Loại thuế	Thay đổi (tỷ đồng)	% thay đổi
Thuế NK	-983,46	-1,26
Thuế GTGT	764,06	0,25
Thuế TNDN	-5.112,44	-1,72
Thuế TNCN	2.384,20	7,26
Tổng	-2.947,65	-0,41

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả mô phỏng theo Kịch bản 3

Từ số liệu Bảng 1 cho thấy, kim ngạch xuất khẩu dầu thô chỉ bằng 50% kim ngạch nhập khẩu xăng dầu. Vì vậy, xét về tác động đến nguồn thu NSNN, từ kết quả riêng lẻ của Kịch bản 1 và Kịch bản 2 cho thấy, tác động tích cực của việc giảm giá xăng dầu có thể bù đắp được phần lớn những tác động tiêu cực của việc giảm giá dầu thô, NSNN giảm 2.947,65 tỷ đồng (khoảng 0,41%).

Do thuế TNDN từ dầu thô chiếm 35% tổng số thu thuế

TNDN [8] cùng với sự bất lợi do giá giảm mạnh làm cho thuế TNDN từ ngành dầu thô giảm mạnh (-28.357,09 tỷ đồng) làm ảnh hưởng lớn đến thu NSNN (Bảng 8).

Kết quả mô phỏng cũng cho thấy, nguồn thu từ thuế NK giảm đáng kể, nhất là thuế NK xăng dầu. Việt Nam nhập khẩu trên 50% xăng dầu, tuy nhiên, khi giá dầu thô giảm, các doanh nghiệp sản xuất xăng dầu hưởng lợi, tăng năng lực để đáp ứng cho thị trường trong nước, thay thế lượng cầu nhập khẩu, làm cho thuế nhập khẩu xăng dầu giảm. Bên cạnh đó, do thuế suất không đổi, lượng nhập khẩu tăng lên nhưng do giá giảm làm cho giá trị nhập khẩu giảm mạnh, kéo theo thuế nhập khẩu giảm.

Bảng 8. Thay đổi thuế NK, thuế GTGT, thuế TNDN theo Kịch bản 3

Mã	Thay đổi (tỷ đồng)		
	Thuế NK	Thuế GTGT	Thuế TNDN
C1	125,88	63,63	1.154,71
C2	16,73	33,01	305,23
C3	77,85	-3,72	-34,70
C4	1,07	262,41	1.255,67
C5	-7,19	1.895,42	1.517,08
C6	-513,40	-389,23	-28.357,09
C7	0,00	-2,38	517,78
C8	16,79	240,75	613,98
C9	470,58	64,47	2.468,32
C10	-158,62	-519,36	-2.034,51
C11	-4,84	-454,80	-1.482,37
C12	50,95	-4,48	271,23
C13	-1.964,68	148,06	1.963,56
C14	158,18	-19,26	306,25
C15	34,73	-10,15	224,05
C16	393,59	-435,84	240,81
C17	56,13	38,61	446,44
C18	262,81	152,53	2.979,29
C19	0,00	-1,14	745,82
C20	0,00	-8,28	1.602,00
C21	0,00	126,37	2.679,24
C22	0,00	391,76	5.903,16
C23	0,00	-64,97	219,30
C24	0,00	-365,42	1.805,64
C25	0,00	-373,93	-423,34
Tổng	-983,46	764,06	-5.112,44

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả mô phỏng theo Kịch bản 3

Ngoài ra, theo kết quả tổng hợp, thuế thu nhập cá nhân tăng mạnh (7,26%). Do ảnh hưởng kép của giảm giá dầu thô và giá xăng dầu, các doanh nghiệp có điều kiện giảm chi phí đầu vào, tăng lợi nhuận, mở rộng quy mô sản xuất và làm tăng thu nhập của người lao động, nhất là các ngành sử dụng nhiều xăng dầu làm đầu vào trong quá trình sản xuất như thủy sản (C4), vận tải (C24), khách sạn nhà hàng (C21).

3.5. Bàn luận

Kịch bản 3 là kịch bản phản ánh sát thực nhất với thực trạng biến động giá đồng thời trên thị trường dầu thô và thị trường xăng dầu trong thời gian qua. Các Kịch bản 1 và

Kịch bản 2 là các kịch bản thành phần, giúp phân tích cơ chế tác động của việc giảm giá dầu thô và giảm giá xăng dầu một cách riêng lẻ, độc lập nhau đến các ngành và các chủ thể khác nhau trong nền kinh tế.

Kịch bản 1 và Kịch bản 2 mặc dù khó có thể xảy ra một cách độc lập trong thực tế. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu là bằng chứng để giải thích cơ chế và mức độ tác động của các cú sốc giá dầu thô và giá xăng dầu đến thu NSNN.

Giảm giá dầu thô và giá xăng dầu một cách đồng thời có tác động tích cực đến sản xuất của hầu hết các ngành trong nền kinh tế và thu nhập của các nhóm hộ gia đình nên làm tăng thu ngân sách từ thuế GTGT, TNCN. Hầu hết các ngành đều tăng lợi nhuận nên tăng thuế TNDN, tuy nhiên, tăng từ các ngành khác không bù đắp được phần thâm hụt do thuế TNDN từ ngành dầu thô giảm mạnh.

4. Kết luận

Giá dầu giảm thì Chính phủ và các doanh nghiệp ngành khai thác dầu bị thiệt hại, nhưng đối với hầu hết các ngành kinh tế và người dân được hưởng lợi. Tuy nhiên, xét về thu NSNN, giá dầu giảm làm giảm thu NSNN do số giảm thu từ ngành dầu thô và sản xuất xăng dầu nhiều hơn số tăng thu được từ các ngành khác, số tăng thu từ thuế thu nhập cá nhân và thuế giá trị gia tăng không đáng kể so với số giảm thu từ thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng trong đề tài mã số B2016-DNA-18-TT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Dybczak.K. et al., *The Effect of Oil Price Shocks on the Czech Economy*, Working Paper Series 5, 2008.
- [2] Gisser, M., Goodwin, T.H., “Crude Oil and The Macroeconomy: Tests of Some Popular Nations”, 18(1), 1986, pp. 95–103.
- [3] Blanchard, O. J., Gali, J., “The Macroeconomic Effects of Oil Shocks: Why Are The 2000s So Different from The 1970s?”, *NBER Work. Pap. Ser.*, 2007, p. w13368.
- [4] IEA, “Analysis of The Impact of High Oil Prices on The Global Economy”, truy cập tại: [/http://www.iea.org/papers](http://www.iea.org/papers), 2006.
- [5] Kilian, L., Alessandro R., and Nikola, S., “Oil Shocks and External Balances”, *IMF Work. Pap. WP 07/110*, 2007.
- [6] VEPR, *Tác động của diễn biến giá dầu đến ngân sách*, Bài thảo luận chính sách CS-11, 2016.
- [7] Levent. A. and Mustafa. A., “Economic Impact of Oil Price Shocks on The Turkish Economy in The Coming Decades: A dynamic CGE analysis”, *Energy Policy*, Vol. 39, No. 3, 2011, pp. 1722–1731.
- [8] Nguyễn Đắc Hưng, *Giá dầu thấp tác động thế nào đến nền kinh tế Việt Nam*, 2018.
- [9] Hosoe.N, *Computable General Equilibrium with GAMS*, National Graduate Institute for Policy Studies, 2001.
- [10] Chen. K, *An Illustrative CGE model*, Graduate School of International Corporation Studies (GSICS), Kobe University, 2004.
- [11] Toàn Nguyễn Mạnh, *The Long-Term Effect of Trade Liberalization on Income Distribution in Vietnam: A Multi- Household Dynamic Computable General Equilibrium Approach*, Kobe University, Japan, 2005.
- [12] CIEM-WIDER, *Ma trận hạch toán xã hội (SAM) Việt Nam năm 2012*, NXB Lao động Hà Nội, NXB Tài chính, 2016.
- [13] Bộ Tài chính, *Quyết toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2016*, truy cập tại: <http://www.mof.gov.vn>.
- [14] Bộ Tài chính, *Quyết toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2017*, truy cập tại: <http://www.mof.gov.vn>.

(BBT nhận bài: 09/10/2018, hoàn tất thủ tục phân biên: 25/10/2018)